

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS – ST

Ngày: 11/4/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Phương

Bà Trần Thị Hậu

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký -
Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:* Bà
Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ Bà Rịa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2024/ TLST - DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐST – DS ngày 07 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST – DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Huy D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt) .

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thọ K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ bạn bè làm ăn quen biết nhau nên vào ngày 02/3/2023 ông Lê Huy D có hỏi vay bà Phan Thị T số tiền 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng), ông D cam kết đến ngày 02/10/2023 sẽ trả hết số tiền trên cho bà T. Bà T đã đồng ý và các bên tiến hành ký kết Giấy vay tiền viết

tay ngày 02/3/2023. Theo nội dung của giấy vay tiền ông Lê Huy D vay của ông Nguyễn Thọ K và bà Phan Thị T số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 02/10/2023, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Hết thời gian trên ông D không trả tiền cho bà T, số tiền gốc theo thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông D trả số tiền trên nhưng không liên hệ được với ông D.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Huy D phải thanh toán cho bà T số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi suất tính từ ngày 02/10/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết xong theo mức lãi suất 20%/năm, tức 1,666%/tháng.

Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Phần tiền lãi nguyên đơn chỉ yêu cầu tính từ ngày 03/10/2023 cho đến ngày 11/4/2024 theo mức lãi suất 10%/năm, tức 0,8333 %/tháng.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Lê Huy D để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt. Theo sự xác nhận của Công an phường thì ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông D theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thọ K trình bày:

Ông K là chồng của bà T. Ngày 02/3/2023 ông Lê Huy D có hỏi vay ông K và bà T số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng), ông D cam kết đến ngày 02/10/2023 sẽ trả hết số tiền trên cho ông K và bà T. Tuy nhiên đến hạn ngày 02/10/2023 ông D vẫn không trả tiền gốc cho vợ chồng ông K, bà T. Vì thế ông thống nhất với quan điểm của bà T là đề nghị ông D phải hoàn trả số tiền số tiền 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) nợ gốc cho bà T. Đồng thời ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Lê Huy D để ông D có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông D đã rời khỏi nơi cư trú. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS thì ông D được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là đúng quy định của pháp luật. Bà T nộp được tài liệu chứng cứ là Giấy vay tiền viết tay có chữ ký của ông D. Ông D không chứng minh được việc đã thanh toán tiền vay cho bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc ông Lê Huy D thanh toán tiền đã vay của bà T là 2.100.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Trong Giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn trả nợ vay được xác định là ngày 02/10/2023. Do đó thời hạn vi phạm được tính từ ngày 03/10/2023. Căn cứ khoản 4 Điều 466 BLDS 2015 thì

“Trường hợp vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...”. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “...lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”. Mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLHS là 20%/năm. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi suất chậm trả của nguyên đơn từ ngày 03/10/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền 2.100.000.000đ.

XÉT THẤY:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T tranh chấp với ông D số tiền 2.100.000.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị xã P, nên Tòa án xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

Ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự trên được ký kết vào ngày 02/3/2023. Căn cứ Điều 689 Bộ luật dân sự tranh chấp nêu trên giữa các bên được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với số tiền gốc: Bà T yêu cầu ông Lê Huy D trả số tiền nợ gốc cho bà T là 2.100.000.000đ. Bà T cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền viết tay lập ngày 02/3/2023 có chữ ký và chữ viết tên của ông Lê Huy D. Tòa án đã tiến hành triệu tập và thông báo ông D đến Tòa án để làm việc nhưng ông D đều không đến. Ông D không chứng minh được việc không vay tiền của bà T, cũng không chứng minh được việc đã trả số tiền 2.100.000.000đ này cho bà T. Chính vì thế yêu cầu về phần tiền gốc của bà T có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi: Bà T yêu cầu tiền lãi suất tính từ ngày 03/10/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết xong theo mức lãi suất 20%/năm, tức 1,666%/tháng đối với số tiền 2.100.000.000đ. Do các bên không thỏa thuận lãi suất nên áp dụng khoản 4 Điều 466 BLDS 2015 quy định *“Trường hợp vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...”* và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“...lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLHS là 20%/năm. Do vậy mức lãi suất mà Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T là 10%/năm từ ngày

03/10/2023 đến ngày 11/4/2024 là 06 tháng 08 ngày, thành tiền là 109.666.667đ. Tổng cộng gốc và lãi mà ông D có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà T là 2.209.666.667 đồng

[3.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận, nên ông D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản tranh chấp là 76.193.333đ (bảy mươi sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 244 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị T khởi kiện ông Lê Huy D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Lê Huy D phải trả cho bà Phan Thị T số tiền nợ gốc là 2.100.000.000đ (hai tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 109.666.667đ (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng cộng gốc và lãi mà ông D có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà T là 2.209.666.667đ (hai tỷ hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Huy D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 76.193.333đ (bảy mươi sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí 37.000.000 (ba mươi bảy triệu đồng) và 2.623.950 (hai triệu sáu hai mươi nghìn chín trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002944 ngày 04/01/2024 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003023 ngày 30/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng

cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR – VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THA TX Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Văn Thị Hiền